

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 377/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2024

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Ông Nguyễn Việt Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 394/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2024 về việc: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 454/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Đ, thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 5, thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

(Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Trần Văn B trình bày: Anh và chị Cao Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày

01/4/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách anh chị không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã to tiếng, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc. Năm 2019 chị T đi lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu anh chị thỉnh thoảng có liên lạc với nhau nhưng sau thưa dần và không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nữa. Do khoảng cách về địa lý nên anh chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn, tháo gỡ. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị cũng đã thống nhất được việc ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Cao Thị T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh B không cung cấp được địa chỉ của chị T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị T. Bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ chị T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị T vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị T biết, thông qua gia đình chị T trình bày vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, tình cảm không còn nên chị nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh B. Chị T xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn B ly hôn chị Cao Thị T. Anh B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn B hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn chị Cao Thị T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở đội E,

thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện chị T đang lao động tại Hàn Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị T. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ chị T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh B và chị T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị L vẫn liên lạc với chị T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh B và chị T. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn B và chị Cao Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 01/4/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng, bất đồng quan điểm. Năm 2019 chị T đi lao động tại Hàn Quốc, từ đó vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó với nhau, chị T cũng không có ý định về nước, vợ chồng sống ly thân từ lâu. Anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Thông qua gia đình chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, anh B xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh B và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị T cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Trần Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn B, xử cho anh Trần Văn B ly hôn chị Cao Thị T.

2. Về án phí: Anh Trần Văn B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000885 ngày 23/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh B đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị Cao Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường